

Bản án số: 243/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng; Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tô B, sinh năm 1995; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: A (Ai-xơ-len).

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tô B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 26/01/2022 tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương và ở chung với bố mẹ đẻ của anh B. Chị và anh B chỉ chung sống với nhau được khoảng 2 tuần thì anh B đi lao động ở A (A-xơ-len). Thời gian đầu anh B còn thỉnh thoảng gọi điện về cho chị sau đó thì ít dần và mỗi khi nói chuyện thì anh chị lại xảy ra cãi vã do bất đồng về quan điểm và tính cách. Khi ở cùng gia đình anh B, chị cũng không hòa hợp được với mọi người. Anh B không biết thông cảm, động viên giúp chị hòa hợp với gia đình mà còn trách móc gây áp lực cho chị. Từ tháng 9 năm 2023 anh B không gọi điện về cho chị nữa, bố mẹ anh B cũng hòa giải, động viên cho anh chị nhưng do anh B không ở nhà nên anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Cuối tháng 3 năm 2024 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở P, N, N, Hải Dương sống và quyết định làm đơn xin ly hôn anh B. Trước khi làm đơn ly hôn chị gọi điện nói chuyện với anh B thì anh B cũng nhất trí ly hôn. Đến nay chị nhận thấy chị và anh B không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng ông Nguyễn Tô L1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Tô B. Anh B đi lao động ở A (A-xơ-len) từ khoảng năm 2014, anh B vẫn thường xuyên gọi điện về cho ông nhưng không nói cho ông biết địa chỉ cụ thể của anh B tại đó nên ông không cung cấp cho Tòa án được. Anh B, chị L kết hôn năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, N, Hải Dương. Trước khi kết hôn với chị L anh B vẫn ở A. Anh B về nước khoảng 1 tháng để tổ chức hôn lễ sau đó lại sang A, còn chị L thì ở cùng với gia đình ông. Đầu năm 2023 anh B có về nhà chơi khoảng 2 tháng, thời gian anh B ở nhà đã thấy chị L có thay đổi về tình cảm nên anh B lại sang Acelend ngay. Tháng 3/2024 chị L về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống, chị L không xin phép vợ chồng ông, không nói lý do tại sao. Ông nói chuyện với anh B về việc chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ thì anh B nói với ông là chị L muốn xin ly hôn vì vợ chồng không ở được với nhau nữa. Chị L và anh B chưa có con chung. Tòa án giao cho ông các văn bản tố tụng, ông đã thông báo cho anh B biết, anh B

cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án cho anh B vắng mặt vì anh B không thể về Việt Nam được.

Theo xác minh tại Cục Q: Anh Nguyễn Tô B xuất cảnh lần gần nhất ngày 16/10/2023 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Tô B; Về con chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà,

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tô B có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại A. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Tô B đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tô B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 26/01/2022 tại UBND xã A, huyện N,

tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị L trình bày sau khi kết hôn chị và anh B đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, vợ chồng sống xa nhau nên không còn tình cảm với nhau nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B. Anh B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Ông Nguyễn Tô Lợi b đẻ của anh B trình bày về mâu thuẫn của chị L, anh B cơ bản phù hợp với lời khai của L và xác định anh B đã được ông thông báo về các bản bản tố tụng của Tòa án, chị L xin ly hôn anh B nhất trí nhưng anh không về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh B.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L, anh B không có con chung nên không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Tô B.

2. Về con chung: Không có, không giải quyết.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu

BLTU/23 số 0000642 ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã A, N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy